

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/6/2021		•	
Tuần 31/5-4/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex có phần lớn thời gian giao dịch ở trong sắc đỏ nhưng đã tăng nhẹ trở lại vào cuối phiên và hiện đã vượt lên trên ngưỡng 1340. Dòng tiền đầu tư tăng nhẹ với 10/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể tiếp tục xuất hiện rung lắc trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 2/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: CEO_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+3** điểm, đóng cửa **1340.78**. HNX-Index **+3.58** điểm, đóng cửa **322.05**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.35); GAS (+1.99); ACB (+1.54); NVL (+1.07); HVN (+0.71)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.22); HPG (-1.3); BID (-0.64); CTG (-0.59); GVR (-0.53)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,159 tỷ đồng**, **+15.07%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 26,142 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 14.16 điểm. Thị trường có **228** mã tăng, 49 mã tham chiếu và **187** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1210.41** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-956.7 tỷ), VIC (-180.2 tỷ) và NVL (-73.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-53.85** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX 1340.78

Giá trị: 24159.17 tỷ 3 (0.22%)

Khối ngoại (ròng): -1210.41 tỷ

HNX-INDEX 322.05

Giá trị: 3144.23 tỷ 3.58 (1.12%)

Khối ngoại (ròng): -53.85 tỷ

UPCOM-INDEX 89.39

Giá trị: 1935.4 tỷ 0.52 (0.59%)

Khối ngoại(ròng): 16.28 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	68.1	0.61%
Giá vàng	1,899	-0.08%
Tỷ giá USD/VND	23,047	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	28,093	-0.40%
Tỷ giá JPY/VND	20,990	-0.28%
LS liên NH 1 tháng	1.6%	16.79%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-2.20%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	100.4	HPG	956.7
BWE	40.7	VIC	180.2
OCB	39.1	NVL	73.5
VIX	27.8	VNM	59.4
NKG	24.1	STB	48.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 2/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	68.21	0.72%	3.24%	7.45%	71.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	70.81	0.80%	3.03%	5.47%	59.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	218.46	0.65%	2.91%	5.70%	75.95%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1900.67	0.01%	0.21%	6.01%	9.82%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.92	0.11%	0.87%	3.78%	59.63%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1547.25	-0.08%	2.35%	0.85%	76.63%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	690.75	-0.40%	5.22%	-5.99%	28.81%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.28	0.23%	-1.54%	-12.51%	6.01%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	216.93	-1.08%	-7.27%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.69	1.90%	5.11%	4.49%	53.43%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	161.05	-0.80%	8.09%	12.62%	49.88%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10245.00	-0.13%	3.00%	3.74%	85.31%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	793.88	1.79%	5.57%	-3.82%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	842.30	2.13%	4.32%	-3.97%			
Nhôm	USD/ton	2469.00	-0.56%	3.44%	2.90%	59.60%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	184.37	3.47%	13.84%	5.15%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	115.25	2.81%	6.61%	28.34%	79.24%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu tăng, với dầu Brent tăng lên 71 USD/thùng và đạt mức cao nhất kể từ tháng 3/2020, do kỳ vọng nhu cầu nhiên liệu trong mùa lái xe mùa hè tại Mỹ tăng, làm lu mờ việc OPEC+ đồng ý tăng sản lượng.
- Chốt phiên giao dịch ngày 1/6, dầu thô Brent tăng 93 US cent tương đương 1,3% lên 70,25 USD/thùng, trong đầu phiên giao dịch đạt 71 USD/thùng – cao nhất kể từ ngày 8/3/2020 và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 7/2021 tăng 1,4 USD tương đương 2,1% lên 67,72 USD/thùng.

Giá vàng

- Giá vàng giảm xuống dưới mức cao nhất gần 5 tháng đạt được trong đầu phiên giao dịch, do số liệu sản xuất của Mỹ tăng mạnh và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng cao khiến vàng trở nên kém hấp dẫn.
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0,3% xuống 1.902,05 USD/ounce, trong phiên có lúc đạt 1.916,4 USD/ounce – cao nhất kể từ ngày 8/1/2021 và vàng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn New York thay đổi nhẹ ở mức 1.905 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng hơn 7%, tăng phiên thứ 3 liên tiếp được thúc đẩy bởi trung tâm thép Đường Sơn có kế hoạch giảm bớt các yêu cầu cắt giảm sản lượng tại các nhà máy thép.

Giá cao su

- Giá cao su tại Nhật Bản chạm mức thấp nhất hơn 1 tháng, do giá cao su tại thị trường Thượng Hải giảm và mối lo ngại về sự phục hồi kinh tế tại châu Á chậm lại, bởi các hạn chế virus corona đã thúc đẩy hoạt động bán ra mới.
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn Osaka giảm 5,7 JPY tương đương 2,3% xuống 240 JPY (2,2 USD)/kg – thấp nhất kể từ ngày 28/4/2021.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica giảm, sau khi đạt mức cao nhất 4,5 năm bởi hạn hán tại nước sản xuất hàng đầu – Brazil.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE tăng 0,33 US cent tương đương 1,9% lên 17,69 US cent/lb, sau khi đạt mức cao nhất 2 tuần (17,89 US cent/lb) trong đầu phiên giao dịch.

	2/6	% 2/6	1/6	% 1/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1340.78	0.22%	1337.78	0.73%	1.83%	8.18%
S&P 500			4202.04	-0.05%	0.12%	-0.22%
HĐTL S&P500	4198.00	-0.01%	4198.60	-0.09%	0.30%	0.57%
Shang- hai	3597.14	-0.76%	3624.71	0.26%	0.11%	4.05%
Euro Stoxx	4074.56	0.07%	4071.75	0.80%	1.06%	1.86%

Phân tích kỹ thuật
CEO_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên

Nhận định: CEO đang hình thành nhịp hồi phục sau khi tích lũy trung hạn tại ngưỡng giá 9.5. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên trong các phiên giao dịch gần nhất. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku báo hiệu nhịp tăng giá trung hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 10.4 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 12.5. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 9.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

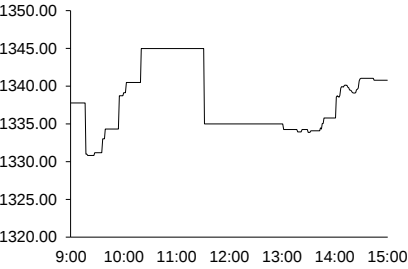
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	3.02%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.99%
Du lịch và Giải trí	2.44%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.63%
Bán lẻ	1.35%
Dầu khí	1.34%
Xây dựng và Vật liệu	0.93%
Ô tô và phụ tùng	0.91%
Ngân hàng	0.60%
Y tế	0.17%
Bảo hiểm	-0.18%
Bất động sản	-0.22%
Thực phẩm và đồ uống	-0.32%
Hóa chất	-0.39%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.09%
Công nghệ Thông tin	-1.53%
Viễn thông	-1.61%
Tài nguyên Cơ bản	-2.17%
Truyền thông	-3.24%

Hình 1

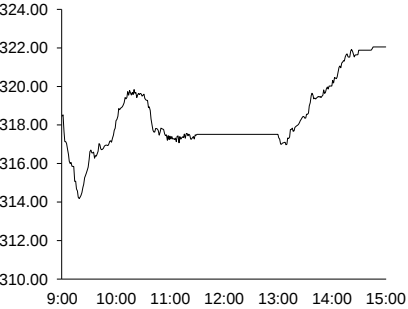
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	27.7	1	3.36%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	27.3	2	-1.09%	Có thể tiếp tục mua
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	39.3	5	5.08%	Có thể tiếp tục mua
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	11.9	6	4.39%	Có thể tiếp tục mua
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	92.8	9	2.20%	Có thể tiếp tục mua
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	27.55	12	13.14%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	56	13	-4.11%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2021	DRC	26.75	32.5	25.6	27.55	14	2.99%	Có thể tiếp tục mua
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	13.05	15	4.82%	Có thể tiếp tục mua
5/17/2021	VSC	51	57	48	51.8	16	1.57%	Có thể tiếp tục mua
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	23.45	20	1.74%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	39.8	23	19.88%	Cân nhắc không mua thêm (**)
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.6	29	1.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	37	35	4.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

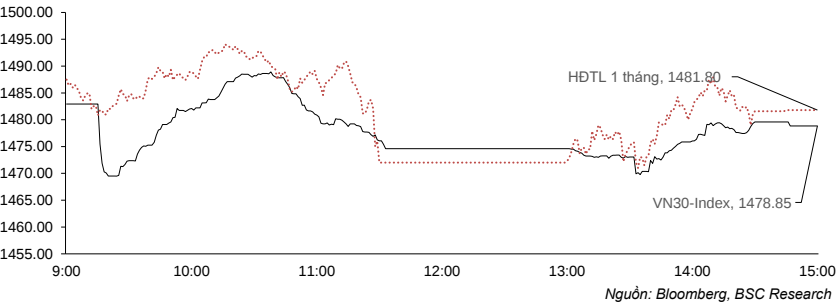
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	TP	24	25.43%
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	FS	26	20.89%
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	TP	22	14.63%
4/29/2021	NLG	35.9	41	33.65	TP	33	14.21%
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	2	5.44%	-2.60%	4.29%	14
Cổ phiếu đã chốt	146	85	13.60%	-8.16%	5.59%	28

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2106	1481.80	-0.39%	2.95	27.3%	211,586	6/17/2021	17
VN30F2107	1475.00	-0.41%	-3.85	22.2%	440	7/15/2021	45
VN30F2109	1475.80	-0.22%	-3.05	-20.5%	62	9/16/2021	108
VN30F2112	1471.00	-0.18%	-7.85	98.2%	109	12/16/2021	199

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm −4.07 điểm xuống 1478.85 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VIC, FPT, TCB, MSN tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1475-1485 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2106 và VN30F2107 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2003	6/11/2021	9	10:1	566,300	30.45%	1,000	7,700	6.06%	7,550	1.02	73,979	63,979	139,400
CMBB2010	6/14/2021	12	1:1	137,400	33.94%	4,600	22,440	0.63%	22,525	1.00	20,600	16,000	38,500
CVPB2103	8/9/2021	68	2:1	259,400	36.52%	2,700	16,800	0.00%	17,011	0.99	41,900	36,500	70,200
CTCB2101	10/5/2021	125	1:1	118,800	35.65%	5,000	23,900	-1.04%	11,989	1.99	36,000	31,000	52,800
CTCB2103	8/9/2021	68	2:1	336,800	35.65%	2,900	9,850	-1.20%	8,811	1.12	41,300	35,500	52,800
CMBB2101	7/6/2021	34	2:1	234,800	33.94%	1,600	6,920	-1.28%	6,307	1.10	29,200	26,000	38,500
CSTB2010	6/11/2021	9	2:1	206,200	44.53%	1,100	10,000	-2.06%	10,108	0.99	14,199	11,999	32,200
CSTB2104	8/27/2021	86	1:1	111,700	44.53%	4,000	12,300	-2.38%	9,681	1.27	26,900	22,900	32,200
CVPB2015	7/30/2021	58	1:1	127,800	36.52%	5,600	42,800	-3.08%	44,396	0.96	31,600	26,000	70,200
CTCB2102	7/6/2021	34	2:1	194,500	35.65%	2,300	8,610	-3.26%	8,480	1.02	57,200	48,000	52,800
CTCB2012	7/30/2021	58	1:1	62,600	35.65%	5,400	30,800	-3.63%	30,965	0.99	27,400	22,000	52,800
CSTB2103	8/9/2021	68	2:1	178,000	44.53%	1,400	8,180	-3.76%	7,180	1.14	20,800	18,000	32,200
CFPT2016	6/22/2021	20	5:1	302,100	30.14%	2,580	9,830	-4.56%	7,126	1.38	62,900	50,000	85,500
CSTB2014	6/14/2021	12	1:1	359,800	44.53%	3,800	19,700	-5.29%	20,219	0.97	15,800	12,000	32,200
CHPG2103	7/6/2021	34	2:1	108,500	35.08%	3,900	15,840	-6.82%	6,100	2.60	49,800	42,000	54,000
CHPG2105	8/9/2021	68	2:1	379,200	35.08%	3,000	16,460	-6.90%	6,248	2.63	48,000	42,000	54,000
CHPG2107	8/12/2021	71	5:1	423,200	35.08%	1,300	6,850	-7.43%	317	21.62	65,868	59,368	54,000
CHPG2108	8/12/2021	71	5:1	362,700	35.08%	1,200	6,710	-7.96%	312	21.49	67,868	61,868	54,000
CHPG2102	7/5/2021	33	1:1	99,400	35.08%	6,600	32,000	-8.57%	13,182	2.43	47,600	41,000	54,000
Tổng				4,569,200	36.81%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 2/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.
- CMWG2105 và CTCH2102 tăng mạnh lần lượt là 13.75% và 13.55%. Trái lại, CVIC2101 và CMSN2102 giảm mạnh lần lượt là -11.85% và -11.43%. Giá trị giao dịch giảm -11.80%. CSTB2014 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.45% thị trường.

- CVHM2103, CVPB2015, CVPB2102, CSTB2014, và CVPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2010, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	138.8	1.7%	1.0	2,869	3.5	9,051	15.3	3.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	100.5	0.0%	1.0	993	2.9	4,974	20.2	4.0	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	53.6	0.0%	1.5	1,730	1.5	2,548	21.0	1.9	27.4%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	34.7	1.8%	0.5	337	0.2	3,809	9.1	1.1	54.4%	12.2%
VIC	Bất động sản	117.5	-2.1%	0.7	17,280	16.3	2,174	54.0	4.9	14.3%	9.0%
VRE	Bất động sản	30.1	-2.0%	1.1	2,974	5.9	1,175	25.6	2.3	29.8%	9.3%
VHM	Bất động sản	104.4	0.4%	1.1	14,932	12.1	7,874	13.3	3.8	22.6%	33.6%
DXG	Bất động sản	27.6	-1.1%	1.3	621	12.4	(61)		2.1	33.2%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	46.0	5.3%	1.5	1,292	32.2	2,776	16.6	2.6	46.3%	16.2%
VCI	Chứng khoán	79.7	2.7%	1.0	577	7.1	5,703	14.0	2.7	21.7%	22.1%
HCM	Chứng khoán	39.8	3.6%	1.5	528	11.3	2,462	16.2	2.5	47.9%	16.4%
FPT	Công nghệ	85.5	-1.8%	0.9	3,373	11.5	4,103	20.8	4.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	81.8	0.0%	0.4	973	0.1	5,165	15.8	4.7	#####	30.0%
GAS	Dầu khí	87.4	4.4%	1.3	7,273	7.4	3,946	22.2	3.3	2.4%	14.9%
PLX	Dầu khí	55.2	0.9%	1.5	2,985	11.5	2,915	18.9	2.9	16.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	27.4	3.8%	1.6	569	25.3	1,375	19.9	1.1	8.9%	5.4%
BSR	Dầu khí	18.3	4.0%	0.8	2,467	21.7	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.0	0.0%	0.4	540	0.2	5,647	16.8	3.3	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	19.7	4.8%	0.7	335	1.9	1,928	10.2	1.0	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	17.8	6.9%	0.6	410	4.9	1,122	15.9	1.5	3.2%	9.4%
VCB	Ngân hàng	106.0	2.2%	1.1	17,093	19.6	5,709	18.6	3.9	23.3%	22.8%
BID	Ngân hàng	47.4	-1.3%	1.3	8,289	12.5	2,048	23.1	2.4	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	52.0	-1.1%	1.3	8,418	33.6	4,765	10.9	2.1	25.3%	20.9%
VPB	Ngân hàng	70.2	1.3%	1.2	7,492	88.8	4,626	15.2	3.1	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	38.5	0.8%	1.2	4,685	39.4	3,612	10.7	2.1	22.7%	21.6%
ACB	Ngân hàng	44.6	5.9%	1.0	4,192	30.3	3,992	11.2	2.5	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	58.3	0.9%	0.7	207	0.1	6,160	9.5	2.0	82.3%	20.3%
NTP	Nhựa	45.3	3.0%	0.5	232	0.4	3,988	11.4	2.0	19.5%	17.8%
MSR	Tài nguyên	21.0	7.1%	0.7	1,004	2.8	39	538.5	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	54.0	-2.7%	1.1	10,502	95.0	4,056	13.3	3.7	28.8%	31.3%
HSG	Thép	43.3	-0.5%	1.3	837	22.3	5,405	8.0	2.4	8.2%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	89.4	-0.6%	0.7	8,124	14.2	4,682	19.1	6.0	54.9%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	152.0	-1.3%	0.8	4,238	1.0	7,561	20.1	4.9	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	105.7	-1.2%	1.0	5,398	8.7	1,281	82.5	7.7	32.9%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	19.9	1.5%	1.2	534	2.2	1,131	17.6	1.5	8.5%	8.7%
ACV	Vận tải	67.4	-0.1%	0.8	6,379	0.6	577	116.8	3.9	3.5%	3.4%
VJC	Vận tải	106.6	0.4%	1.1	2,510	2.4	2,256		3.8	18.6%	8.3%
HVN	Vận tải	27.4	6.8%	1.7	1,690	1.8	(9,327)		27.0	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	39.0	3.9%	0.9	510	6.5	1,246	31.3	1.9	40.1%	6.2%
PVT	Vận tải	18.6	0.5%	1.3	262	4.6	2,281	8.2	1.2	12.9%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	96.0	1.1%	1.0	668	1.4	8,479	11.3	3.6	4.1%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	29.8	2.8%	0.4	581	0.2	1,604	18.6	2.0	6.2%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	1.3%	0.9	262	0.4	1,566	10.1	1.1	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	61.7	0.7%	1.0	199	1.8	3,352	18.4	0.6	44.7%	3.0%
CII	Xây dựng	19.6	0.0%	0.5	204	1.8	56	352.3	1.0	27.7%	0.2%
REE	Điện	56.0	-1.8%	-1.4	752	2.0	5,770	9.7	1.5	49.0%	16.3%
PC1	Điện	27.3	-0.5%	-0.4	227	0.7	2,371	11.5	1.3	10.9%	13.2%
POW	Điện	11.9	-1.7%	0.6	1,212	5.5	1,037	11.5	1.0	3.2%	8.6%
NT2	Điện	19.2	1.1%	0.5	240	0.3	1,872	10.2	1.3	15.1%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	33.3	1.5%	1.0	680	8.1	1,639	20.3	1.5	19.8%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	52.0	-1%	0.9	2,340	0.1			3.3	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	106.00	2.22	2.30	4.27MLN
GAS	87.40	4.42	1.91	1.98MLN
ACB	44.60	5.94	1.46	16.01MLN
NVL	139.40	2.65	1.04	2.98MLN
HVN	27.40	6.82	0.67	1.60MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.28	3.13MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-1.34	40.00MLN	607060
BID	0.00	-0.65	6.04MLN	373600
CTG	0.00	-0.60	14.84MLN	192700
GVR	0.00	-0.54	5.02MLN	611640

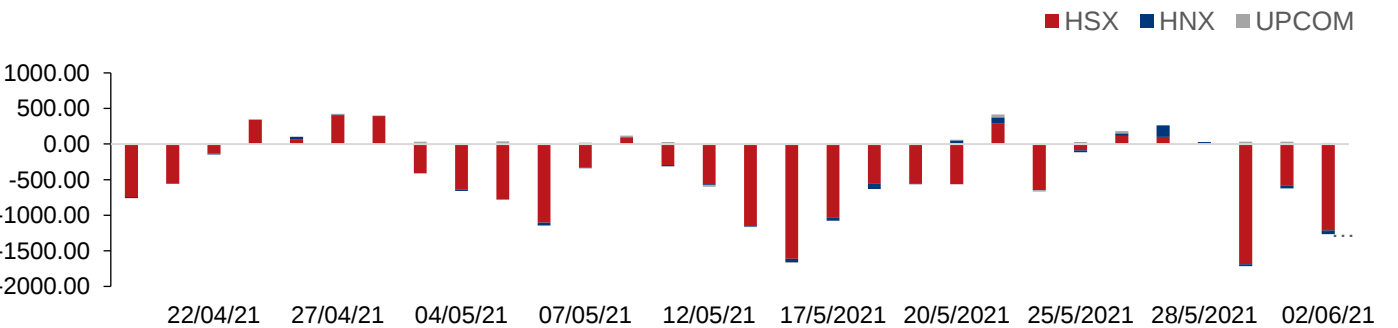
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ITA	7.49	7.00	0.12	18.28MLN
GIL	56.70	6.98	0.04	282700
DTA	9.20	6.98	0.00	31400
L10	18.40	6.98	0.00	100
SGR	27.60	6.98	0.03	42900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGM	27.90	-7.00	-0.01	39500
TTE	9.12	-6.94	-0.01	200
APH	63.60	-6.88	-0.25	470600.00
LGC	57.70	-6.79	-0.22	100
DAT	22.20	-6.72	-0.02	2400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	44.6	3,992	11.2	2.5	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	67.4	577	116.8	3.9	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.6	600	17.7	1.0	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	29.1	3,834	7.6	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	52.0	4,765	10.9	2.1	Click
7	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	63.5	13,880	4.6	1.5	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	17.8	1122.1	15.9	1.5	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	71.7	5,505	13.0	3.0	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	123.5	7,653	16.1	4.2	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	19.7	1,928	10.2	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	27.6	2,379	11.6	1.9	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	27.6	-61		2.1	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	85.5	4,103	20.8	4.6	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	27.9	1,091	25.5	2.3	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	45.9	7,082	6.5	2.1	Click
17	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	54.0	4,056	13.3	3.7	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	43.3	5,405	8.0	2.4	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.8	1,566	10.1	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.2	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	33.3	1,639	20.3	1.5	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	39.5	2,140	18.5	2.6	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	31.7			2.3	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.5	3,258	10.9	1.4	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	54.1	5,257	10.3	1.9	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	105.7	1,281	82.5	7.7	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	138.8	9,051	15.3	3.8	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	41.0	4,008	10.2	1.8	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	27.7	2,120	13.1	1.7	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	100.5	4,974	20.2	4.0	Click
31	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	11.9	1,037	11.5	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	22.6	0	147.0	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	27.4	1,375	19.9	1.1	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	152.0	7,561	20.1	4.9	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.9	1,131	17.6	1.5	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	38.3	8272.5	4.6	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.8	4,074	13.0	2.4	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	106.0	5,709	18.6	3.9	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	45.5	4,166	10.9	2.4	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	18.9	570	33.2	1.5	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	39.0	3,837	10.2	1.3	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	104.4	7,874	13.3	3.8	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	89.4	4,682	19.1	6.0	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	70.2	4,626	15.2	3.1	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	30.1	1,175	25.6	2.3	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	92.8	4,060	22.9	6.4	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express PET 2021Q2	7/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 25930 ; Giá tại Publish 21500 Quan điểm đầu tư: Điều chỉnh giá mục tiêu lên 25,930 đồng/cp. Điều chỉnh và những giả định về tăng đóng góp của mảng dịch vụ phân phối (+34.5% YoY) nhờ vào kết quả kinh doanh khả quan của Apple trong Q1/2021
Express GIL 2021Q2	6/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 31000 ; Giá tại Publish 26000 Dự báo KQKD: Kế hoạch kinh doanh năm 2021: Công ty đặt kế hoạch doanh thu đạt 3,000 tỷ VND và LNST đạt 180 tỷ VND. Cổ tức năm 2021 dự kiến từ 15% - 30%. Hai đối tác lớn nhất hiện nay của doanh nghiệp là Amazon và IKEA – vẫn kinh doanh tăng trưởng giữa đại dịch với doanh thu chủ yếu từ kênh online. Yếu tố này giúp hỗ trợ GIL tránh được áp lực Covid-19 như những đơn vị cùng ngành khác, và kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng xuất khẩu online thông qua 2 đối tác trên Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST 2021 lần lượt đạt 3,888 tỷ VND (+6.6% YoY) và 332 tỷ VND (+29.6% YoY), tương đương EPS FW2021=2,799 VND/cp, tương ứng với mức P/E FW2021=9.3x.
Express DRC 2021Q2	5/5/21	Catalyst: BSC cho rằng DRC sẽ được hưởng lợi đáng kể vì (1) Lớp Radial xe tải, xe bus là sản phẩm xuất khẩu chính của DRC và (2) Thị trường Brazil chiếm 60% doanh thu Radial xuất khẩu của DRC và (3) DRC đang được hưởng mức thuế nhập khẩu 0% vào thị trường này.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639